

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HS-ST

Ngày: 14-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vi Thanh Hà.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Thái Quang Định
2. Ông Nguyễn Tiến Tập
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2020/TLST- HS ngày 16 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn T, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1984; nơi sinh: thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: khu 2, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Vũ Thị D; vợ: Nguyễn Thị K và có 03 con, con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Ngày 26/11/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xử phạt 06 tháng tù treo, 12 tháng thử thách về tội “Đánh bạc”. Ngày 26/11/2019, chấp hành xong hình phạt, chưa thi hành xong phần dân sự của bản án; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 02/6/2020, tạm giữ đến ngày 06/6/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Văn Đ, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1986; nơi sinh: thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: khu H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị C; vợ: Nguyễn Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 02/6/2020, tạm giữ đến ngày 06/6/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Vũ Văn T, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1980; nơi sinh: Thành phố C, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: khu dân cư số 8, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn N và bà Nguyễn Thị T; vợ: Vũ Thị P và có 03 con, con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 02/6/2020, tạm giữ đến ngày 06/6/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Bùi Văn T, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1988, nơi sinh: thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: thôn 3, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn L và bà Trần Thị H; vợ: Vũ Quỳnh G và có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 02/6/2020, tạm giữ đến ngày 06/6/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Cù Thị Bích H, sinh ngày 19 tháng 01 năm 1972; nơi sinh: thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 30, khu 5, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cù Minh Đ và bà Phạm Thị N; chồng: Hoàng Hiệp S và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 02/6/2020, tạm giữ đến ngày 06/6/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Nguyễn Thị T, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1990, nơi sinh: huyện M, thành phố H; nơi ĐKKTT: tổ 35, khu 9, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: tổ 2, khu 1, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tất Đ và bà Lê Thị R (đã chết); chồng: Trần Mạnh C (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 02/6/2020, tạm giữ đến ngày 06/6/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Phạm Văn N; sinh ngày 04 tháng 01 năm 1982; nơi sinh: thị xã K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: khu 2, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Tạ C (đã chết) và bà Mạc Thị N; vợ: Phạm Thị X và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú ngày 03/6/2020, tạm giữ đến ngày 06/6/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

* *Người làm chứng*: anh Trần Văn N; anh Nguyễn Văn T; anh Phạm Văn T, anh Trần Mạnh T. Đều vắng mặt.

** Người chứng kiến:* ông Nguyễn Đình T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02/6/2020, Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Bùi Văn T, Phạm Văn N, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T ngồi chơi tại quán nước bỏ hoang (gần công phụ nhà máy nhiệt điện U) thuộc tổ 12A, khu 8, phường B, thành phố U. Tại đây, T lấy ra 1 bộ bài tú lơ khơ rồi rủ cả nhóm chơi đánh bài được thua bằng tiền thì cả nhóm đồng ý rồi ngồi quây tròn quanh bàn xi măng có sẵn trong quán, thống nhất chơi bằng hình thức “ba cây”. Khi chơi được khoảng 20 phút thì có thêm Vũ Văn T đến và tham gia cùng. Cả nhóm ngồi theo thứ tự chiều kim đồng hồ để đánh bạc lần lượt là T, H, Đ, T, T, T, N. Cách thức chơi như sau: Sử dụng các lá bài từ A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 để chơi, các lá bài còn lại bỏ ra không sử dụng. Khi bắt đầu chơi, chọn 1 người “làm chương”, người này chia cho mỗi người tham gia 3 lá bài, sau đó từng người đặt cược, mức đặt thấp nhất là 100.000 đồng, cao nhất là 400.000 đồng. Mỗi người tính điểm của mình bằng cách cộng tổng 3 lá bài được chia, trừ đi số tròn chục thì được tính điểm cao nhất (lớn hơn 9 điểm). Nếu bài có điểm bằng nhau thì so giá trị bài theo chất từ “rô, cơ, bích, tép”. Từng người so điểm với người làm chương, nếu thắng thì được số tiền đặt cược, nếu thua thì mất số tiền đặt cược. Ai được 10 điểm thì sẽ được làm chương thay.

Khi chơi, các bị cáo dùng tiền để đánh bạc cụ thể: T 1.000.000đồng, H 2.000.000đồng, T 2.500.000đồng, T 4.000.000đồng, Đ 3.500.000đồng, T 3.000.000đồng, N 400.000đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 16.400.000đồng. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Riêng Phạm Văn N chạy thoát, đến ngày 03/6/2020, N ra đầu thú.

Đối với số tiền 29.410.000đồng tạm giữ trong người các bị cáo, trong đó của bị cáo T 21.000.000đồng; bị cáo T 760.000đồng; bị cáo T 1.900.000đồng; bị cáo Đ 3.450.000đồng; bị cáo T 500.000đồng và của bị cáo H 1.800.000đồng, các bị cáo khai đây là tiền không dùng vào việc đánh bạc nên không đủ căn cứ kết luận các bị cáo dùng số tiền này để đánh bạc.

Tại Cáo trạng số: 73/CT- VKSUB ngày 15/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố các bị cáo Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N về tội: “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: các bị cáo Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N đều khai nhận hành vi đánh bạc như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu trên.

Những người làm chứng anh Trần Văn N; anh Nguyễn Văn T; anh Phạm Văn T, anh Trần Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện việc được trực tiếp chứng kiến hành vi đánh bạc của các bị cáo, các anh chỉ đứng xem và không tham gia gì vào việc đánh bạc.

Người chứng kiến ông Nguyễn Đình T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện việc được chứng kiến cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra, phát hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền của các bị cáo Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo bản Cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N phạm tội: “Đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi những ngày tạm giữ từ 02/6/2020 đến 06/6/2020.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS (riêng bị cáo Phạm Văn N được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS): Xử phạt các bị cáo Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N mỗi bị cáo từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội “Đánh bạc”.

- + Giao bị cáo Đ cho UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- + Giao bị cáo T cho UBND phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- + Giao bị cáo T cho UBND xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- + Giao bị cáo Hồng cho UBND phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- + Giao bị cáo T cho UBND phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- + Giao bị cáo N cho UBND phường P, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo trên: Phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS:

- + Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài (đã qua sử dụng)

- + Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước số tiền 16.400.000đồng.

- + Trả lại cho các bị cáo T 21.000.000đ; T 760.000đ; T 1.900.000đ; Đ 3.450.000đ; T 500.000đ; H 1.800.000đ.

Các bị cáo không tranh luận với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thụ thập và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội: Lời khai của các bị cáo Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với nhau, với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 16 giờ 50 phút, ngày 02 tháng 6 năm 2020, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng đã thu giữ, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú lập hồi 09 giờ 00 phút, ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Văn Nam, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 02/6/2020, tại tổ 12A, khu 8, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N đang có hành vi đánh bạc, được thua bằng tiền bằng hình thức “ba cây” với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) thì bị Công an thành phố U bắt quả tang. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội: “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Từ việc đánh bạc, sát phạt được thua bằng tiền bất hợp pháp gây thiệt hại về kinh tế của chính bản thân và gia đình các bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh hoạt trong nhân dân. Vì vậy phải có mức hình phạt

tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.2] Xét vai trò của các bị cáo:

Hành vi đánh bạc của các bị cáo Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N không có phân công, bàn bạc, nên thuộc đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn T là người trực tiếp lấy bộ bài tú lơ khơ và rủ rê các đồng phạm khác đánh bạc, đồng thời cũng dùng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, do đó bị cáo T có vai trò đầu vụ; tiếp sau là vai trò của bị cáo T, Đ, T, H, T và N dùng số tiền lần lượt ít hơn nên lần lượt giữ vai trò sau sau bị cáo T.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Văn T có 1 tiền án chưa được xóa án tích, phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn N sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.5] Về hình phạt chính: Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Trần Văn T đã một lần phạm tội, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới, qua đó thể hiện sự coi thường của pháp luật của bị cáo. Do vậy cần phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Bùi Văn T, ngày 15/12/2017 bị Công an thị xã K, tỉnh Hải Dương xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt xong ngày 19/12/2017. Thời gian được coi là chưa bị xử phạt hành chính tính đến ngày phạm tội đã quá 06 tháng nên nay bị cáo không còn coi là người có nhân thân xấu.

Bị cáo Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo Nam có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đồng thời các bị cáo này đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt nên có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

[3.6] Về hình phạt bổ sung: Xét mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo

nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo ở mức khởi điểm của khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3.7] Về tình tiết khác trong vụ án: anh Trần Văn N, anh Nguyễn Văn T, anh Phạm Văn T, anh Trần Mạnh T chỉ đứng xem các bị cáo đánh bạc, không tham chơi hay giúp sức gì cho các bị cáo nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

- Số tiền 16.400.000đ (mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) của các bị cáo sử dụng đánh bạc, trong đó (T 1.000.000đồng, H 2.000.000đồng, T 2.500.000đồng, T 4.000.000đồng, Đ 3.500.000đồng, T 3.000.000đồng, N 400.000 đồng) tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Số tiền 29.410.000đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng), trong đó thu giữ trong người bị cáo Vũ Văn T 21.000.000đồng; Nguyễn Thị T 760.000đồng; Bùi Văn T 1.900.000đồng; Phạm Văn Đ 3.450.000đồng; Trần Văn T 500.000đồng; Cù Thị Bích H 1.800.000đồng là số tiền của các bị cáo không dùng vào việc đánh bạc nên trả lại cho các bị cáo.

- 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về xử lý biện pháp ngăn chặn:

Bị cáo Trần Văn T bị áp dụng hình phạt tù nên Hội đồng xét xử tiếp tục áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N** phạm tội: “**Đánh bạc**”;

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T 09 (Chín)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (Được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 6 năm 2020 đến ngày 06 tháng 6 năm 2020).

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn Đ** 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Văn T** 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn T** 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt: Bị cáo **Cù Thị Bích H** 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị T** 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn N** 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Giao bị cáo Phạm Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã K tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Văn Đ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Vũ Văn T cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Vũ Văn T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Bùi Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Bùi Văn T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, thị xã K, tỉnh H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Cù Thị Bích H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Cù Thị Bích H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Q thành phố U tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Văn N cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Văn N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Phạt các bị cáo **Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N** mỗi bị cáo 10.000.000đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

3. Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự: Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trần Văn T kể từ ngày tuyên án (ngày 14/8/2020) cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

4. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước **16.400.000đồng** (mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó của bị cáo T là 1.000.000đồng (một triệu đồng), của bị cáo H là 2.000.000đồng (hai triệu đồng), của bị cáo T là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), của bị cáo T là 4.000.000đồng (bốn triệu đồng), của bị cáo Đ là 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng), của bị cáo T là 3.000.000đồng (ba triệu đồng), của bị cáo N là 400.000đồng (bốn trăm nghìn đồng)

- Trả lại bị cáo Vũ Văn T 21.000.000đồng (hai mươi một triệu đồng), Nguyễn Thị T 760.000đồng (bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), Bùi Văn T 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng), Phạm Văn Đ 3.450.000đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), Trần Văn T 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng), Cù Thị Bích H 1.800.000đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài đã qua sử dụng.

(Toàn bộ số vật chứng, tài sản trên có tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng và Bảng kê tiền vật chứng ngày 16/7/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn T, Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm Văn N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Trần Văn T Phạm Văn Đ, Vũ Văn T, Bùi Văn T, Cù Thị Bích H, Nguyễn Thị T và Phạm V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 14 tháng 8 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thanh Hà